

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2017/HSPT
Ngày: 28/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Dung

Các thẩm phán:

1. Ông Trần Quốc Khánh

2. Ông Lê Hùng Cường

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Lệ Thu - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Ông Bùi Văn Phước- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 58/2017/HSPT ngày 23/6/2017 do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 34/2017/HSST ngày 09/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Bị cáo kháng cáo: Nguyễn Công T, tên gọi khác: Tý; sinh năm: 1977. Trú tại: Số 7/9 ấp 11, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 04/12. Con của ông Nguyễn Công T (chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950. Có vợ tên Võ Thị Kim T (đã lý hôn) và có 01 con chung sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra, có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

Bị cáo: Lê Tấn Th, tên gọi khác: Bé Th, sinh năm: 1994. Trú tại: Số 31/64 ấp 2, xã H, thành phố T, tỉnh Long An. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 8/12, Con của ông Lê Thành Đ sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Mỹ L sinh năm 1970. Có vợ tên Nguyễn Châu Mỹ A và có 01 con chung sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không (có mặt);

- Người bị hại: Nguyễn Thành T1; sinh năm: 1985; trú tại: Số 7/9 ấp 11, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê Thị Ngọc L; sinh năm: 1984; trú tại: Ấp 11, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T và bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố T thì nội dung vụ án như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào khoảng 19 giờ ngày 07/11/2016 Nguyễn Thành T1 điều khiển xe mô tô biển số 62G1-107.34 chở Nguyễn Công T đi đến quán "Duyên Quê" tọa lạc tại xã H, thành phố T để nhậu. Trên đường đi, T nhớ lại việc T1 còn nợ T số tiền 6.000.000đ chưa trả nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 62G1-107.34 của T1. Khi đến quán T mới nói dối với anh T1 cho mượn xe đi đón bạn gái, anh T1 đồng ý cho mượn. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô T điều khiển xe mô tô đến phường 5, thành phố T thuê nhà trọ để ngủ. Đến sáng hôm sau, T gặp Lê Tấn Th nhờ Th giữ gìn xe mô tô biển số 62G1-107.34 và nói rõ do T1 thiếu nợ T 6.000.000đ chưa trả nên T chiếm đoạt xe này, đồng thời T bàn bạc với Th để tiếp tục lấy lại số tiền mà T1 còn nợ T, Th đồng ý. Sau khi bàn bạc xong T quay về nhà gặp và nói dối với anh T1 xe bị chủ nợ của T đang giữ do T còn thiếu nợ, muốn chuộc xe thì phải đưa 10.000.000đ đến 15.000.000đ. T1 đồng ý. Lúc này, T điện thoại hẹn Th đến quán cà phê gần Cầu Sắt T, phường 5, thành phố T để gặp anh T1 và T. Khi gặp Th, T1 hỏi "Xe của tôi sao mấy anh lấy" Th liền trả lời "Chuyện đó tôi không biết chừng nào có tiền thì lấy xe ra" rồi Th bỏ đi về. Sau đó, T và T1 cũng ra về. Đến ngày 12/11/2016 T1 điện thoại cho T nói đã chuẩn bị xong tiền và kêu T hẹn gặp chủ nợ ra để chuộc xe. Khi T cùng với T1 đến quán cà phê ở tuyến tránh thành phố T để gặp Th thì lực lượng Công An xã H mời T và T1 về làm việc. Tại Cơ quan điều tra T và Th khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/2017/HSST ngày 09/5/2017 của Toà án nhân dân thành phố T đã xử:

Tuyên bố: Nguyễn Công T, Lê Tấn Th đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 139; điều 45; các điểm p, h khoản 1 và khoản 2 điều 46; điều 33; điều 20; điều 53 Bộ luật hình sự.

Tuyên phạt: Nguyễn Công T 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn phạt tù tính bắt bị cáo thi hành án.

Áp dụng khoản 1 điều 139; điều 45; các điểm h, p khoản 1 và khoản 2 điều 46; điều 60; điều 20; điều 53 Bộ Luật Hình Sự.

Tuyên phạt: Lê Tấn Th 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Tấn Th cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố T, tỉnh Long An theo dõi, giám sát trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 10 tháng 5 năm 2017, bị cáo Nguyễn Công T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Công T khai nhận: Khoảng 19 giờ ngày 07/11/2016 anh T1 rủ bị cáo đi uống rượu và sử dụng xe mô tô của anh T1 chở bị cáo. Trên đường đi, bị cáo nhớ lại việc anh T1 nợ bị cáo 6 triệu đồng, bị cáo đòi nhiều lần nhưng anh T1 không trả nên bị cáo nảy sinh ý định giữ xe của anh T1 để buộc anh T1 phải trả nợ. Khi anh T1 chở bị cáo đến quán, bị cáo nói dối anh T1 mượn xe mô tô để đi rước bạn gái. Sau khi được anh T1 giao xe, bị cáo không đi rước bạn gái mà mang xe đi thuê phòng trọ ngủ, đến sáng hôm sau bị cáo điện nhờ Th giữ gìn xe, có nói rõ xe của người đang mắc nợ bị cáo, khi nào có tiền trả thì trả xe, Th đồng ý. Khi công an bắt quả tang thì không có mặt Th, và xe vẫn để tại nhà trọ của Th, T1 cũng không đưa đồng nào ra để trả nợ. Bị cáo khẳng định, trước khi bị cáo lấy xe từ anh T1, bị cáo không điện để trao đổi bàn bạc, hứa hẹn gì với Th; sở dĩ bị cáo yêu cầu T1 trả 10 – 15 triệu đồng là do vay lâu, nên tính lãi; bị cáo xác định bị Tòa sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng, không oan. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo vì bản thân bị bệnh nan y, gia đình quá khó khăn, phải nuôi mẹ già và con nhỏ.

Bị cáo Lê Tấn Th trình bày: Anh và Nguyễn Công T có mối quan hệ quen biết. Ngày 08/11/2016, bị cáo T có nhờ anh giữ gìn xe cho T và nói xe là của bạn T thiếu nợ T, khi nào có tiền sẽ trả xe, bị cáo đồng ý làm theo lời T. Th cũng khẳng định, trước khi T nhờ giữ xe, T không hề điện hay hứa hẹn gì với anh, chỉ nói khi nào có 10- 15 triệu đem đến trả thì trả lại xe. Khi công an bắt quả tang T thì không có mặt anh, và xe vẫn để tại nhà trọ của anh.

Người bị hại Nguyễn Thành T1 thừa nhận có mượn bị cáo T 6 triệu đồng chưa trả, không nói thời hạn trả và lãi suất; hiện còn nợ, mới trả gốc 2,5 triệu (sau khi xảy ra sự việc). Khoảng 19 giờ ngày 07/11/2016, bị cáo T hỏi mượn xe mô tô của anh để đi rước bạn gái. Sau đó anh không thấy T trả xe nên có điện thoại đòi thì T nói xe đã bị chủ nợ của T giữ, khi nào có tiền thì cho chuộc xe. Sau đó, anh gặp Lê Tấn Th thì Th nói anh phải giao 15 triệu mới đồng ý cho chuộc xe. Do không có tiền nên anh đã báo công an để bắt quả tang hàng vi của Lê Tấn Th và T. Khi công an bắt quả tang T thì không có mặt Lê Tấn Th, và xe vẫn để tại nhà trọ của Th, anh cũng không đưa tiền ra mặc dù có mang theo 10 triệu đồng để trong túi quần nên không ai biết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu: Hành vi của bị cáo Nguyễn Công T bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, không oan. Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo có bổ sung thêm chứng cứ là các tình tiết giảm nhẹ: hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Xét không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội vẫn đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Lê Tấn Th: Sau khi T chiếm đoạt xe máy của T1 xong mới giao cho Th và kể toàn bộ sự việc cho Th nghe. Hành vi phạm tội đã kết thúc tại thời điểm T chiếm đoạt chiếc xe của T1. Mặt khác, T1 khai nhận có mang 10.000.000đ đi chuộc xe nhưng tại nơi hẹn, T1 chưa đưa tiền cho T và Th, cơ quan điều tra cũng không lập biên bản thu giữ tiền, tài sản. Do đó, hành vi của bị cáo Th không đồng phạm với bị cáo T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt” mà cấu thành tội phạm

độc lập là tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố T, tuyên bố bị cáo Lê Tấn Th phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự, giữ y hình phạt như án sơ thẩm đã tuyên. Đối với bị cáo Phạm Công T, đề nghị xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên và của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Khoảng 19 giờ ngày 07/11/2016, anh Nguyễn Thành T1 rủ bị cáo Nguyễn Công T đi uống rượu. Khi đi, anh T1 sử dụng xe mô tô biển số 62G1 – 107.34 của anh T1 để chở bị cáo T. Trên đường đi, T nhớ lại việc T1 nợ bị cáo 6 triệu đồng, T đòi nhiều lần nhưng anh T1 không trả nên bị cáo nảy sinh ý định giữ xe của anh T1 để buộc anh T1 phải trả nợ. Thực hiện ý định trên, khi anh T1 chở T đến quán, T nói dối anh T1 mượn xe mô tô để đi rước bạn gái. Sau khi được anh T1 giao xe, bị cáo T không đi rước bạn gái mà mang xe đi thuê phòng trọ ngủ. Đến sáng hôm sau, T điện nhờ Th giữ giùm xe, có nói rõ xe của người đang mắc nợ T, khi nào có tiền trả thì trả xe, Th đồng ý. Anh T1 điện báo có tiền nên yêu cầu T và Th mang trả xe thì anh trả tiền. Khi vừa đến điểm hẹn thì bị cáo T bị công an mời làm việc, lúc đó chỉ có bị cáo T và anh T1, không có Th cùng chiếc xe; T1 cũng không trả tiền nợ cho bị cáo T.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Công T đã kết thúc tại thời điểm T chiếm đoạt chiếc xe của T1, T thực hiện hành vi một mình, không bàn bạc, T1 nhất với Th từ trước, đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự là đúng, không oan và xử phạt bị cáo 09 tháng tù là phù hợp, đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: thật thà khai báo và ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt được thu hồi giao trả cho người bị hại, bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo kháng cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ: có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Xét thấy, bị cáo T phạm tội do thiếu hiểu biết pháp luật, động cơ phạm tội xuất phát từ việc người bị hại đã nợ tiền bị cáo T lâu ngày, đòi không trả nhưng lại có tiền đi uống rượu khiến bị cáo bức xúc.

Đồng thời, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nghề nghiệp ổn định, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 BLHS. Việc không cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong trại giam cũng đủ để giáo dục và phòng ngừa. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt như án sơ thẩm đã tuyên nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

[3] Đối với Lê Tấn Th: Bị cáo Nguyễn Công T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của T1 trên đường đi tới quán rượu cùng T1. Tại quán Duyên Quê, T nói dối T1 là mượn xe đi đón bạn gái để T1 tin là sự thật và giao tài sản cho T. Hành vi

tội phạm đã kết thúc tại thời điểm T chiếm đoạt chiếc xe của T1, T thực hiện hành vi một mình, không bàn bạc, trao đổi, T1 nhất gì với Th từ trước. Sau khi T chiếm đoạt xe máy của T1 xong, T mới giao cho Th và kể toàn bộ sự việc cho Th nghe. T1 khai nhận có mang 10.000.000đ đi chuộc xe nhưng tại nơi hẹn, T1 không trả tiền cho T, Th cũng không có mặt tại nơi giao tiền. Cơ quan điều tra cũng không lập biên bản thu giữ tiền, tài sản là tang vật vụ án. Việc T1 mang theo 10.000.000đồng chỉ là lời trình bày đơn phương của T1, không có căn cứ gì chứng minh. Nên Th không đồng phạm với T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” mà hành vi của Th đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của ông Kiểm sát viên tại Tòa, sửa án sơ thẩm về tội danh đối với Lê Tấn Th, giữ nguyên hình phạt tù cho hưởng án treo của bản án sơ thẩm đối với Lê Tấn Th.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Công T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Công T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 34/2017/HSST ngày 09/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Công T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo Lê Tấn Th phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 điều 139; điều 45; các điểm p, h khoản 1 và khoản 2 điều 46; điều 33; điều 20; điều 53 và Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Công T** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/8/2017);

Giao bị cáo Nguyễn Công T cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Công T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 điều 250; điều 45; các điểm h, p khoản 1 và khoản 2 điều 46; điều 20; điều 53; điều 60 Bộ luật hình Sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Tấn Th** 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Tấn Th cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố T, tỉnh Long An theo dõi, giám sát trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[2] Về án phí: bị cáo Nguyễn Công T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC (1);
- VKSNDCC (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (1);
- TAND huyện (2);
- VKSND huyện (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Bị cáo (1);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Kim Dung